**Mẫu số 02:** *Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số*[*75/2014/NĐ-CP*](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-75-2014-nd-cp-huong-dan-bo-luat-lao-dong-tuyen-dung-quan-ly-lao-dong-viet-nam-lam-viec-nuoc-ngoai-3b48d.html)*ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.*

|  |
| --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI** |
|   | *……, ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO**

TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Kính gửi: …………………………………

**I. TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG KỲ BÁO CÁO**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Trình độ chuyên môn kỹ thuật** | **Vị trí việc làm** | **Hình thức tuyển** |
| **Tuyển trực tiếp** | **Tuyển thông qua tổ chức có thẩm quyền tuyển, quản lý người lao động Việt Nam** |
| 1 |   |   |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |   |   |
| 3 |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |

**II. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG KỲ BÁO CÁO**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Đầu kỳ báo cáo** | **Biến động trong kỳ báo cáo** | **Cuối kỳ báo cáo** |
| **Tổng số** | **Trong đó nữ** | **Tăng** | **Giảm** | **Tổng số** | **Trong đó nữ** |
| 1 | Tổng số người lao động Việt Nam | Người |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Sơ cấp nghề | Người |   |   |   |   |   |   |
|   | Trung cấp | Người |   |   |   |   |   |   |
|   | Cao đẳng | Người |   |   |   |   |   |   |
|   | Đại học trở lên | Người |   |   |   |   |   |   |
| 3 | Hợp đồng lao động |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Hợp đồng không xác định thời hạn | Người |   |   |   |   |   |   |
|   | Hợp đồng xác định thời hạn | Người |   |   |   |   |   |   |
|   | Hợp đồng theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng | Người |   |   |   |   |   |   |
| 4 | Lý do giảm người lao động Việt Nam |   | x | x |     x |   | x | x |
|   | Đơn phương chấm dứt HĐLĐ | Người | x | x | x |   | x | x |
|   | Kỷ luật, sa thải | Người | x | x | x |   | x | x |
|   | Thỏa thuận chấm dứt | Người | x | x | x |   | x | x |
|   | Khác | Người | x | x | x |   | x | x |

**III. NHU CẦU TUYỂN DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG 06 THÁNG TỚI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Vị trí việc làm cần tuyển dụng** | **Số lượng (người)** | **Yêu cầu cụ thể** |
| 1 |   |   |   |
| 2 |   |   |   |
| 3 |   |   |   |
| … |   |   |   |

**IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Với tổ chức có thẩm quyền tuyển, quản lý người lao động Việt Nam.

2. Về người lao động Việt Nam.

3. Các vấn đề khác.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam***(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |